



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI**

Địa chỉ: Tô 53, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-4) 3882 3256

Fax: (84-4) 3882 3291

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

04 - 05

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

06 - 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

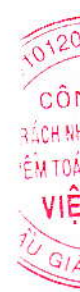
08

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10 - 30





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2013.

### Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Nhà máy động cơ điện Việt Nam - Hungari được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari theo Quyết định số 3216/QĐ-BCN ngày 13/11/2006 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari thành Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 ngày 22/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0100101925 thay đổi lần thứ 03 ngày 28/12/2012 thì Vốn điều lệ của Công ty là **43.500.000.000 đồng** (Bốn mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu.

### Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất, sửa chữa, bán buôn, bán lẻ các loại máy móc thiết bị kỹ thuật điện, cơ khí dùng trong công nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo động cơ điện, máy phát điện các loại;
- Buôn bán vật tư, thiết bị, phụ tùng thiết bị kỹ thuật điện, cơ kim khí và tư vấn chuyên giao công nghệ chế tạo máy điện.
- Thi công, lắp đặt các công trình thiết bị điện đến 35KV;

Địa chỉ: Tổ 53, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-4) 3882 3256

Fax: (84-4) 3882 3291

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch
Ông Bùi Quốc Bảo	Thành viên
Ông Lê Khắc Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Thế Giang	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Bùi Quốc Bảo	Tổng Giám đốc
Ông Lê Khắc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Vinh Hoàn	Phó Tổng giám đốc

#### Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI



**Bùi Quốc Bảo**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2014



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18/03/2014, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Giới hạn kiểm toán

Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng phải thu đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Với những tài liệu mà Công ty cung cấp chúng tôi không thể lượng hóa được số dự phòng cần phải trích lập. Do đó, bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề nêu trên sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty.



Chúng tôi đã không nhận được thư xác nhận của một số khoản nợ phải thu khách hàng tại Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary 2 theo báo cáo tại ngày 31/12/2013 là 567.357.008 VND. Do đây là những khoản nợ từ nhiều năm trước chuyển qua, chúng tôi không thể thu thập bằng chứng đáng tin cậy về các khoản nợ trên bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, đồng thời Công ty cũng không trích lập dự phòng cho số dư công nợ này. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn và tính hiện hữu của các khoản mục này tại ngày 31/12/2013 và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình báo báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười hai (12) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari giữ mười một (11) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



**Phạm Hùng Sơn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Đặng Thị Thu Huyền**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>164.236.465.768</b>	<b>194.801.115.696</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>1.684.730.659</b>	<b>7.178.560.254</b>
1 Tiền	111		1.684.730.659	7.178.560.254
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>130.089.418.008</b>	<b>157.567.242.467</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	154.388.360.831	162.559.648.421
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	3.304.475.471	3.166.087.915
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	1.775.163.403	1.518.888.012
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(29.378.581.697)	(9.677.381.881)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>31.972.287.341</b>	<b>29.489.963.913</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	31.972.287.341	29.489.963.913
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>490.029.760</b>	<b>565.349.062</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.084.885	28.486.438
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		144.158.620	15.211.446
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10.	33.563.377	24.489.628
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	283.222.878	497.161.550
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>15.176.247.529</b>	<b>16.343.987.650</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.589.209.790</b>	<b>15.668.630.764</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	12.824.913.990	13.846.486.973
- Nguyên giá	222		61.830.965.566	61.055.936.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.006.051.576)	(47.209.449.534)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5.	1.745.313.720	1.822.143.791
- Nguyên giá	228		3.375.357.000	3.375.357.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.630.043.280)	(1.553.213.209)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		18.982.080	-
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.6.</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		2.374.201.599	2.374.201.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.374.201.599)	(2.374.201.599)
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.7.</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258		100.000.000	100.000.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>487.037.739</b>	<b>575.356.886</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	276.788.212	324.975.313
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14.	210.249.527	250.381.573
<b>VI Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>179.412.713.297</b>	<b>211.145.103.346</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này).



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>115.630.554.744</b>	<b>146.541.001.569</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>112.151.554.744</b>	<b>144.393.511.569</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	73.595.345.697	107.707.038.707
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	19.273.644.571	12.187.219.756
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	4.018.792.457	1.330.799.764
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	6.066.241.171	6.649.522.149
5 Phải trả người lao động	315		2.498.502.890	4.027.748.203
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	2.822.320.325	8.745.978.979
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	3.703.901.686	3.677.666.347
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		172.805.947	67.537.664
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.479.000.000</b>	<b>2.147.490.000</b>
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333	VIII.2.	300.000.000	300.000.000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.13.	3.179.000.000	1.847.490.000
5 Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>61.653.826.014</b>	<b>62.746.388.189</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15.	<b>59.812.933.809</b>	<b>60.518.549.071</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.500.000.000	43.500.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		1.413.000.000	1.413.000.000
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		8.227.305.667	6.076.007.971
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.672.628.142	9.529.541.100
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.840.892.205</b>	<b>2.227.839.118</b>
2 Nguồn kinh phí	432		-	-
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.840.892.205	2.227.839.118
<b>C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>2.128.332.539</b>	<b>1.857.713.588</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>179.412.713.297</b>	<b>211.145.103.346</b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Huyền

Ngô Thế Giang

Bùi Quốc Bảo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này).







**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		236.508.804.691	369.670.896.975
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(149.160.289.571)	(239.961.477.332)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.037.593.788)	(22.793.767.204)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(9.895.478.599)	(17.242.943.194)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.965.198.497)	(4.323.248.494)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.017.473.381	5.126.715.228
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.910.912.063)	(26.807.315.792)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>37.556.805.554</b>	<b>63.668.860.187</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.522.185.317)	(4.076.464.180)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		72.727.272	49.264.244
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.531.147	175.488.898
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.385.926.898)</b>	<b>(3.851.711.038)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		180.877.907.868	267.651.525.269
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(213.658.090.877)	(322.560.988.493)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.884.665.000)	(9.468.508.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(39.664.848.009)</b>	<b>(64.377.971.974)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(5.493.969.353)</b>	<b>(4.560.822.825)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.178.560.254	11.739.383.079
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		139.758	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>1.684.730.659</b>	<b>7.178.560.254</b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thúy Huyền

Ngô Thế Giang

Bùi Quốc Bảo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013

- I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp
1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Nhà máy động cơ điện Việt Nam - Hungari được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari theo Quyết định số 3216/QĐ-BCN ngày 13/11/2006 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari thành Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 ngày 22/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0100101925 thay đổi lần thứ 03 ngày 28/12/2012 thì Vốn điều lệ của Công ty là **43.500.000.000 đồng** (Bốn mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, sửa chữa, bán buôn, bán lẻ các loại máy móc thiết bị kỹ thuật điện, cơ khí dùng trong công nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo động cơ điện, máy phát điện các loại;
- Buôn bán vật tư, thiết bị, phụ tùng thiết bị kỹ thuật điện, cơ kim khí và tư vấn chuyển giao công nghệ chế tạo máy điện.
- Thi công, lắp đặt các công trình thiết bị điện đến 35KV;

Địa chỉ: Tổ 53, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-4) 3882 3256

Fax: (84-4) 3882 3291

4. Công ty con được hợp nhất của Công ty

- Tổng số Công ty con: 02 Công ty
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty

1. Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1

Địa chỉ: 67 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

2. Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2

Địa chỉ: 307 Tân Kỳ, Tân Quý, Phường Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

- II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

- III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn, sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 tại thuyết minh số VI.28

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Đầu tư vào Công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty Kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và hai công ty con là Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary 1 và Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary 2 mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại thời điểm 31/12/2013. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013  
(tiếp theo)

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 tại thuyết minh số VI.28

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

#### *Đầu tư vào Công ty con*

Các công ty con là các đơn vị do Công ty Kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và hai công ty con là Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary 1 và Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary 2 mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại thời điểm 31/12/2013. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### **Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng trước.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Tại thời điểm 31/12/2013 Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	06-10
Máy móc, thiết bị	04-08
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-08
Tài sản cố định khác	05

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: quyền sử dụng đất lâu dài tại 49B Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng; Lợi thế thương mại; Phần mềm thiết kế; Hệ thống chất lượng ISO.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013  
(tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

### Loại tài sản cố định

### Thời gian khấu hao <năm>

Quyền sử dụng đất không kỳ hạn

Không trích khấu hao

Lợi thế thương mại; Phần mềm thiết kế

06-07

Hệ thống chất lượng ISO

03

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

#### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là Trạm bảo hành và giới thiệu sản phẩm số 255 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình Trạm bảo hành, giới thiệu sản phẩm và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư.

#### 5.2 Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 06 năm.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay, chi phí lãi trái phiếu liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ niên độ kế toán này sang niên độ sau. Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Năm 2013****(tiếp theo)**

- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

Đối với khoản trích trước là lãi chậm trả được ghi nhận căn cứ hợp đồng bán hàng trả chậm đã ghi nhận doanh thu toàn bộ, số lãi dự thu được ghi nhận như một khoản chi phí tương ứng để kỳ sau khi thu được lãi chậm trả sẽ ghi giảm chi phí lãi vay phải trả tương ứng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán động cơ, vật tư, sửa chữa, gia công và cho thuê nhà và doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cho thuê trạm dịch vụ tại 255 Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được xác định căn cứ vào hợp đồng thuê trạm, biên bản bàn giao mặt bằng, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu bán hàng trả chậm được ghi nhận bằng toàn bộ số doanh thu đã xuất hóa đơn bao gồm cả doanh thu bán chưa lãi và lãi chậm trả mà không ghi nhận doanh thu chưa thực hiện, giá trị lãi chậm trả theo hợp đồng bán được ghi nhận tương ứng khoản chi phí lãi vay phải trả.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013

(tiếp theo)

- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

Đối với khoản trích trước là lãi chậm trả được ghi nhận căn cứ hợp đồng bán hàng trả chậm đã ghi nhận doanh thu toàn bộ, số lãi dự thu được ghi nhận như một khoản chi phí tương ứng để kỳ sau khi thu được lãi chậm trả sẽ ghi giảm chi phí lãi vay phải trả tương ứng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán động cơ, vật tư, sửa chữa, gia công và cho thuê nhà và doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cho thuê trạm dịch vụ tại 255 Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được xác định căn cứ vào hợp đồng thuê trạm, biên bản bàn giao mặt bằng, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu bán hàng trả chậm được ghi nhận bằng toàn bộ số doanh thu đã xuất hóa đơn bao gồm cả doanh thu bán chưa lãi và lãi chậm trả mà không ghi nhận doanh thu chưa thực hiện, giá trị lãi chậm trả theo hợp đồng bán được ghi nhận tương ứng khoản chi phí lãi vay phải trả.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**14.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay và nợ ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**14.3 Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2013**  
 (tiếp theo)

**14.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<i>Tiền mặt</i>	211.646.448	444.554.445
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	1.473.084.211	6.734.005.809
VND	1.461.825.032	6.722.613.932
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội</i>	35.290.360	34.726.360
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh</i>	703.437.581	5.664.991.261
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương</i>	450.292.063	497.851.113
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu</i>	-	397.604.986
<i>Các ngân hàng khác</i>	272.805.028	127.440.212
USD quy đổi	11.259.179	11.391.877
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh</i>	5.112.269	5.044.963
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương</i>	6.146.910	6.346.914
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.684.730.659</b>	<b>7.178.560.254</b>
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khác	1.679.163.403	1.396.888.012
<i>Phải thu lương nhà trẻ</i>	-	2.259.627
<i>Phải thu tiền cho mượn mẫu đúc động cơ</i>	681.260.727	187.560.727
<i>Phải thu tiền vay chưa nộp về Công ty</i>	913.733.254	1.163.733.254
<i>Đối tượng khác</i>	84.169.422	43.334.404
Dư nợ Phải trả khác	96.000.000	122.000.000
<i>Tiền thưởng Ban điều hành</i>	96.000.000	122.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.775.163.403</b>	<b>1.518.888.012</b>
3. Hàng tồn kho	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.381.853.560	10.462.675.113
Công cụ, dụng cụ	127.205.204	184.854.026
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.580.988.901	1.770.376.426
Thành phẩm	11.024.851.703	13.731.845.034
Hàng hoá	2.741.460.434	3.205.703.908
Hàng gửi bán	115.927.539	134.509.406
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>31.972.287.341</b>	<b>29.489.963.913</b>



**CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI**

Địa chỉ: Tô 53, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-4) 3882 3256

Fax: (84-4) 3882 3291

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm tài chính 2013

Mẫu B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013

(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2013		19.077.302.377	32.457.928.537	8.513.195.047	1.007.510.546		61.055.936.507
Mua trong năm		-	3.261.725.050	259.472.728	10.172.727		3.531.370.505
Tăng do góp vốn		-	-	-	-		-
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-		-
Thanh lý, nhượng bán		(647.174.671)			(52.344.545)		(699.519.216)
Giảm trong năm		(67.546.171)	(1.474.504.837)	(328.461.120)	(186.310.102)		(2.056.822.230)
Giảm khác (*)		18.362.581.535	34.245.148.750	8.444.206.655	779.028.626		61.830.965.566
Số dư ngày 31/12/2013							
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2013		16.037.594.925	24.987.777.299	5.254.513.436	929.563.874		47.209.449.534
Khấu hao trong năm		851.685.348	2.171.984.473	813.491.837	29.694.850		3.866.856.508
Giảm trong năm		(134.828.050)					(134.828.050)
Giảm khác (*)		(50.205.969)	(1.351.872.063)	(336.763.737)	(196.584.647)		(1.935.426.416)
Số dư ngày 31/12/2013		16.704.246.254	25.807.889.709	5.731.241.536	762.674.077		49.006.051.576
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2013		3.039.707.452	7.470.151.238	3.258.681.611	77.946.672		13.846.486.973
Tại ngày 31/12/2013		1.658.335.281	8.437.259.041	2.712.965.119	16.354.549		12.824.913.990

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.822.564.306 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.935.542.377 VND

(\*) Giảm khác là những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Trong đó:

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.470.665.961 VND.

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND nhưng vẫn còn GTCL là: 330.105.865 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Năm 2013  
 (tiếp theo)

5. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Lợi thế doanh nghiệp	Phần mềm thiết kế và Hệ thống chất lượng ISO	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư ngày 01/01/2013	1.688.170.860	251.378.464	1.435.807.676	3.375.357.000
Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2013	1.688.170.860	251.378.464	1.435.807.676	3.375.357.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2013	-	233.422.853	1.319.790.356	1.553.213.209
Khấu hao trong năm	-	17.955.611	58.874.460	76.830.071
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2013	-	251.378.464	1.378.664.816	1.630.043.280
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2013	1.688.170.860	17.955.611	116.017.320	1.822.143.791
Tại ngày 31/12/2013	1.688.170.860	-	57.142.860	1.745.313.720

(\*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại 49 B Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này. Quyền sử dụng đất này là tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu PGD Cầu Vồng.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.017.625.858 đồng.

6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND  
 31/12/2013

Khoản mục	01/01/2013	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2013
<b>Nguyên giá</b>	2.374.201.599	-	-	2.374.201.599
Trạm bảo hành và giới thiệu sản phẩm số 255 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.374.201.599	-	-	2.374.201.599
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	2.374.201.599	-	-	2.374.201.599
Trạm bảo hành và giới thiệu sản phẩm số 255 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.374.201.599	-	-	2.374.201.599
<b>Giá trị còn lại</b>	-	-	-	-
sản phẩm số 255 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	-	-	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013  
 (tiếp theo)

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>				
<i>Góp vốn đầu tư</i>		100.000.000		100.000.000
Trường Cao đẳng Tư thực Công nghệ Hà Nội		100.000.000		100.000.000

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc		25.347.764
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	276.788.212	260.000.000
Chi phí làm cửa cuốn văn phòng		8.936.666
Chi phí khác		30.690.883
<b>Tổng cộng</b>	<b>276.788.212</b>	<b>324.975.313</b>

9. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>73.478.855.697</b>	<b>107.506.998.707</b>
VND	73.478.855.697	107.506.998.707
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*)	-	33.921.391.386
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (**)	25.287.344.658	38.969.613.950
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Cầu Vồng	1.300.000.000	1.300.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (***)	12.385.120.000	10.000.000.000
Vay vốn từ dự án		-
Vay vốn cá nhân (****)	34.506.391.039	23.315.993.371
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>116.490.000</b>	<b>200.040.000</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Cầu Vồng	116.490.000	200.040.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.595.345.697</b>	<b>107.707.038.707</b>

(\*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng tín dụng số 19/HĐTD-NH-NHCT-DA ngày 20/06/2012, không có tài sản đảm bảo; lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(\*\*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/13/HM/NHNT.CD-VIHEM ngày 11/07/2013, hạn mức cho vay là 50.000.000.000 VND; lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(\*\*\*) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn số 147/HĐVV-VIHEM ngày 15/03/2007, Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV/TBĐVN-VIHEM ngày 05/4/2012, Hợp đồng vay vốn số 01/2013/HĐVV/TBĐVN-VIHEM ngày 6/9/2013 không có tài sản đảm bảo; lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(\*\*\*\*) Vay cá nhân bao gồm các hợp đồng vay có thời hạn dưới 01 năm, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, mục đích để bổ sung vốn lưu động.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính VND		
	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp
			31/12/2013
Thuế GTGT hàng nội địa	575.679.574	7.335.344.641	7.840.925.008
Thuế TNDN (*)	818.668.790	2.440.441.560	2.950.587.887
			70.099.207
			308.522.463



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2013**  
*(tiếp theo)*

Thuế thu nhập cá nhân (**)	19.748.757	773.499.400	750.953.633	42.294.524
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.210.935.400	2.373.529.180	1.972.702.980	5.611.761.600
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
Các loại thuế khác	-	7.386.640	7.386.640	-
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>24.489.628</b>			<b>33.563.377</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>6.649.522.149</b>			<b>6.066.241.171</b>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp đã bao gồm số nộp thừa của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari 1: số cuối kỳ là 30.283.777 đồng, số dư đầu kỳ là 18.114.657 đồng.

(\*\*) Thuế thu nhập cá nhân đã bao gồm số nộp thừa của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari 2: số cuối kỳ là 3.279.600 đồng, số dư đầu kỳ là 6.374.971 đồng.

11. Chi phí phải trả	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	1.630.641.146	8.136.279.093
Trích trước khuyến mãi bán hàng	1.191.679.179	609.699.886
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.822.320.325</b>	<b>8.745.978.979</b>
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	-	196.889.669
Kinh phí Đảng	91.380.340	60.955.600
Bảo hiểm xã hội	559.765.852	7.896.565
Bảo hiểm y tế	102.035.681	55.827
Bảo hiểm thất nghiệp	45.067.370	-
Cổ tức phải trả	91.700.000	163.200.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.791.952.443	2.878.668.686
<i>Phải trả Nhà nước kinh phí thực hiện Dự án (*)</i>	<i>2.752.203.100</i>	<i>2.752.203.100</i>
<i>Phải trả về thuế hàng nhập khẩu (**)</i>	<i>10.116.279</i>	<i>10.116.279</i>
<i>Đảng ủy khối công nghiệp - Hỗ trợ kinh phí 2013</i>	<i>10.000.000</i>	-
<i>Đối tượng khác</i>	<i>19.633.064</i>	<i>116.349.307</i>
Dư có Phải thu khác	22.000.000	370.000.000
<i>Công ty TNHH Cơ khí Tây Mỹ - Tiền bảo lãnh hợp đồng</i>	-	<i>250.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Tân Thành Đạt - Tiền bảo lãnh dự thầu</i>	-	<i>60.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thái Sơn</i>	-	<i>60.000.000</i>
<i>Tiền đặt cọc phí đào tạo</i>	<i>22.000.000</i>	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.703.901.686</b>	<b>3.677.666.347</b>

(\*) Các khoản phải trả từ nguồn vốn dự án tự động hóa và dự án VS với số tiền tương ứng là 1.996.203.100 đồng và 756.000.000 đồng chưa có văn bản chính thức của Nhà nước nên Công ty vẫn hạch toán công nợ phải trả và chưa tái

(\*\*) Khoản thuế hàng nhập khẩu khách hàng nộp thay Công ty đến 31/12/2013 vẫn chưa đòi nên Công ty vẫn hạch toán công nợ phải trả.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013

(tiếp theo)

**13. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.179.000.000</b>	<b>1.847.490.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Chương Dương(*)	2.379.000.000	931.000.000
Ngân hàng Á Châu - PGD Cầu Vồng (**)	-	116.490.000
Vay cá nhân (Anh Lê Huy) (***)	800.000.000	800.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.179.000.000</b>	<b>1.847.490.000</b>

(\*) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/12/TH/VND/VCB.CD-VHC ngày 16/05/2012, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/12/TCĐS/VCB.CD-VHC ngày 16/05/2012; lãi suất vay biến đổi theo từng thời kỳ.

(\*\*) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Cầu Vồng theo hợp đồng vay số 01 CVO DN 01210709 ngày 21/07/2009 với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Mua đất làm văn phòng kinh doanh tại 495B Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng. Lãi suất cho vay: bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VND 13 tháng của Ngân hàng TMCP Á Châu cộng 4,34%/năm cộng mức tăng hoặc giảm mức dự trữ bắt buộc của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

(\*\*\*) Vay dài hạn ông Lê Huy theo hợp đồng vay số 211/2010/VH1-HĐVV ngày 01/06/2010 với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư sản xuất quặng. Lãi suất cho vay: lấy lãi suất trung bình cộng của lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm trả lãi. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện từ việc bán hàng giữa Công ty mẹ và Công ty con khi hợp nhất	210.249.527	250.381.573
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>210.249.527</b>	<b>250.381.573</b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	43.500.000.000	1.413.000.000	9.847.555.339	54.760.555.339
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	9.367.520.279	9.367.520.279
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(9.685.534.518)	(9.685.534.518)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>43.500.000.000</b>	<b>1.413.000.000</b>	<b>9.529.541.100</b>	<b>54.442.541.100</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	7.496.267.926	7.496.267.926
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(10.353.180.884)	(10.353.180.884)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>43.500.000.000</b>	<b>1.413.000.000</b>	<b>6.672.628.142</b>	<b>51.585.628.142</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013

(tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	43.500.000.000	43.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.500.000.000</b>	<b>43.500.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	43.500.000.000	43.500.000.000
Vốn góp đầu năm	43.500.000.000	43.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	43.500.000.000	43.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.960.000.000	8.700.000.000

đ) Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	01/01/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.350.000	4.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.350.000	4.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.350.000	4.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.350.000	4.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.350.000	4.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

f) Các quỹ của công ty

	01/01/2013	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính VND 31/12/2013
Quỹ đầu tư phát triển	6.076.007.971	2.151.297.696	-	8.227.305.667
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.076.007.971</b>	<b>2.151.297.696</b>	<b>-</b>	<b>8.227.305.667</b>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập theo Nghị quyết đại hội cổ đông và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với Điều lệ của Công ty.

16. Nguồn kinh phí

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	-	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	300.000.000	2.365.003.000
Chi sự nghiệp	300.000.000	2.365.003.000
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng	188.584.662.974	292.574.691.396
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.531.396.850	22.446.135.060
<b>Tổng cộng</b>	<b>209.116.059.824</b>	<b>315.020.826.456</b>
18. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Hàng bán bị trả lại	568.138.094	317.976.656
<b>Tổng cộng</b>	<b>568.138.094</b>	<b>317.976.656</b>
19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng	188.016.524.880	292.256.714.740
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.531.396.850	22.446.135.060
<b>Tổng cộng</b>	<b>208.547.921.730</b>	<b>314.702.849.800</b>
20. Giá vốn hàng bán	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	141.007.914.666	235.338.895.271
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.440.629.697	15.228.216.722
<b>Tổng cộng</b>	<b>155.448.544.363</b>	<b>250.567.111.993</b>
21. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.692.595	144.488.898
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	31.000.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.045.882	1.252.842
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.738.477</b>	<b>176.741.740</b>
22. Chi phí tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	3.782.518.701	17.123.505.175
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	268.133.400
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.782.518.701</b>	<b>17.391.638.575</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013  
 (tiếp theo)

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	209.317.330.588	315.301.765.969
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	199.146.242.112	302.445.833.398
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	10.171.088.476	12.855.932.571
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.455.052.170	3.399.175.126
<b>25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.	250.381.573	(136.616.551)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(210.249.527)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.132.046</b>	<b>(136.616.551)</b>
<b>26. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.976.622.308	110.704.048.642
Chi phí nhân công	24.449.507.810	28.032.324.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.604.668.050	3.799.560.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.747.255.792	7.519.734.818
Chi phí khác bằng tiền	5.039.118.937	8.002.535.389
<b>Tổng cộng</b>	<b>105.817.172.897</b>	<b>158.058.203.825</b>
<b>27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.675.904.260	9.593.373.996
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi	(179.636.334)	(225.853.717)
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.496.267.926	9.367.520.279
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.350.000	4.350.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.723	2.153

**28. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.8 và V.12, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2013**  
*(tiếp theo)*

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.684.730.659	7.178.560.254
Phải thu khách hàng và phải thu khác	126.784.942.537	154.401.154.552
Đầu tư dài hạn	100.000.000	100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>128.569.673.196</b>	<b>161.679.714.806</b>
<b>Công cụ tài chính</b>		
Các khoản vay	76.774.345.697	109.554.528.707
Phải trả người bán và phải trả khác	22.977.546.257	15.864.886.103
Chi phí phải trả	2.822.320.325	8.745.978.979
<b>Tổng cộng</b>	<b>102.574.212.279</b>	<b>134.165.393.789</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2013 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	-	106.269.098



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2013**  
**(tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tài chính cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2013</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	22.977.546.257	-	22.977.546.257
Chi phí phải trả	2.822.320.325	-	2.822.320.325
Các khoản vay	73.595.345.697	3.179.000.000	76.774.345.697
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>01/01/2013</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	15.864.886.103	-	15.864.886.103
Chi phí phải trả	8.745.978.979	-	8.745.978.979
Các khoản vay	107.707.038.707	1.847.490.000	109.554.528.707



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2013**  
 (tiếp theo)

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.684.730.659	-	1.684.730.659
Phải thu khách hàng và phải thu khác	126.784.942.537	-	126.784.942.537
Các khoản đầu tư tài chính	-	100.000.000	100.000.000
01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.178.560.254	-	7.178.560.254
Phải thu khách hàng và phải thu khác	154.401.154.552	-	154.401.154.552
Các khoản đầu tư tài chính	-	100.000.000	100.000.000

**VIII. Những thông tin khác**

**1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Vay</b>			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Thành viên góp vốn	2.385.120.000	6.000.000.000
Hà Đình Minh	Chủ tịch HĐQT	6.482.181.596	550.000.000
Ngô Thế Giang	Thành viên HĐQT	160.513.020	100.000.000
Bùi Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	21.105.835	160.000.000
Lê Khắc Tuấn	Thành viên HĐQT	86.142.571	85.000.000
<b>Lãi vay phát sinh trong năm</b>			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Thành viên góp vốn	868.152.800	921.366.667
Hà Đình Minh	Chủ tịch HĐQT	230.778.096	133.704.079
Ngô Thế Giang	Thành viên HĐQT	19.852.396	3.717.605
Bùi Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	4.702.526	3.050.857
Lê Khắc Tuấn	Thành viên HĐQT	17.289.629	4.128.629
<b>Lãi vay đã trả trong năm</b>			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Thành viên góp vốn	1.043.152.800	746.366.667
Hà Đình Minh	Chủ tịch HĐQT	230.778.096	133.704.079
Ngô Thế Giang	Thành viên HĐQT	19.852.396	3.717.605
Bùi Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	4.702.526	3.050.857
Lê Khắc Tuấn	Thành viên HĐQT	17.289.629	4.128.629

**1.2 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương	1.972.529.610	1.828.984.132
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.972.529.610</b>	<b>1.828.984.132</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013  
 (tiếp theo)

1.3 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Các khoản vay</b>			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Thành viên góp vốn	12.385.120.000	10.000.000.000
Hà Đình Minh	Chủ tịch HĐQT	6.529.522.171	1.297.340.575
Ngô Thế Giang	Thành viên HĐQT	187.465.653	126.952.633
Bùi Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	203.224.551	182.118.716
Lê Khắc Tuấn	Thành viên HĐQT	108.017.910	106.875.339
<b>2. Những thông tin khác</b>			
2.1 Phải thu của khách hàng		31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn		107.138.046.487	110.033.206.935
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt		15.859.439.543	16.009.439.543
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương		-	314.309.594
Công ty Thương mại T & V		5.317.263	111.115.910
Công ty TNHH Vật liệu điện Thiên Phong		15.070.503.040	15.518.503.040
Công ty TNHH TM Hà Việt		-	2.524.973.706
Doanh nghiệp tư nhân Minh Hậu		362.638.100	476.051.400
Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung		2.170.731.776	2.170.731.776
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc		194.304.000	1.146.354.000
Công ty TNHH Cơ khí - Thương mại LINKON		-	3.250.352.160
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghiệp Long Vân		551.839.517	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Sinco		480.442.600	-
Đối tượng khác		12.555.098.505	11.004.610.357
<b>Tổng cộng</b>		<b>154.388.360.831</b>	<b>162.559.648.421</b>
2.2 Trả trước cho người bán		31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Xí nghiệp Tư nhân Đức Hải Đăng		3.194.016.351	2.982.127.435
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Giang		-	67.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Việt		40.000.000	40.000.000
Các đối tượng khác		70.459.120	76.960.480
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.304.475.471</b>	<b>3.166.087.915</b>
2.3 Tài sản ngắn hạn khác		31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Tạm ứng</b>			
Lê Xuân Nguyên		42.742.500	38.000.000
Đình Khắc Dũng		103.620.470	73.000.000
Đỗ Xuân Đức		3.000.000	3.000.000
Trần Văn Tuấn		24.815.896	56.978.000
Hồ Ngọc Trung		1.000.000	-
Nguyễn Đức Dũng		2.000.000	-
Nguyễn Văn Bắc		17.000.000	8.350.000
Đình Khắc Dũng (tạm ứng bằng chuyển khoản)		-	60.000.000
Đối tượng khác		28.200.000	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013

(tiếp theo)

Chi phí dụng cụ, đồ dùng	132.062.634	201.229.859
Chi phí khấu hao TSCĐ	73.891.249	65.060.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.539.055.543	2.766.525.415
Chi phí bằng tiền khác	2.574.463.473	1.324.855.033
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.728.994.626</b>	<b>7.152.334.635</b>
<b>2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.120.057.283	7.613.655.010
Chi phí vật liệu quản lý	224.976.205	199.761.462
Chi phí khấu hao TSCĐ	771.084.556	842.994.759
Thuế, phí và lệ phí	2.379.574.070	8.247.662.870
Chi phí dự phòng	19.694.005.816	8.235.894.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.211.400.903	65.273.801
Chi phí bằng tiền khác	3.186.650.059	2.102.075.434
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.587.748.892</b>	<b>27.307.317.338</b>
<b>2.8 Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ thanh lý TSCĐ	72.727.272	34.264.244
Thu tiền phạt chậm thanh toán	128.432.169	352.028.698
Thu nhập khác	500.510.940	35.881.487
<b>Tổng cộng</b>	<b>701.670.381</b>	<b>422.174.429</b>
<b>2.9 Chi phí khác</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, tháo dỡ	512.346.621	25.432.292
Chi phí khác	86.088.909	1.998.565
<b>Tổng cộng</b>	<b>598.435.530</b>	<b>27.430.857</b>

**2.10 Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI**

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thúy Huyền

Ngô Thế Giang

Bùi Quốc Bảo

